

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

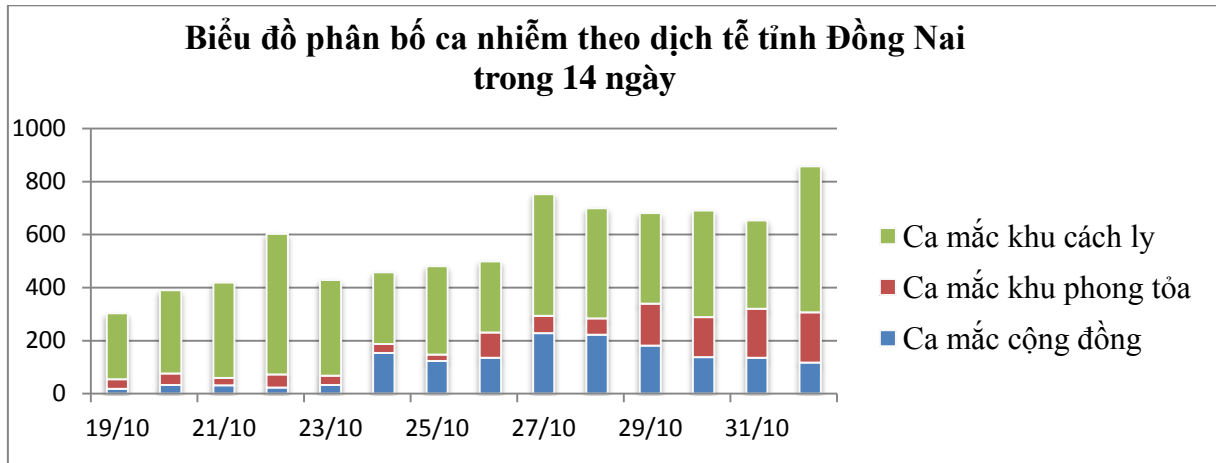
Số: 9159/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 02 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 01/11/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	391	26	319	46	0	0	0	0	24	2	28.371
2	Nhon Trạch	94	9	85	0	0	0	0	0	7	0	16.174
3	Vĩnh Cửu	134	19	28	87	0	0	0	0	168	94	11.291
4	Trảng Bom	137	21	105	11	0	0	0	0	117	0	6.344
5	Long Thành	42	2	0	40	0	0	0	0	-	-	1.964
6	Thống Nhất	11	6	0	5	0	0	0	0	12	0	786
7	Định Quán	18	9	9	0	0	0	0	0	-	-	465
8	Long Khánh	2	1	1	0	0	0	0	0	21	32	438
9	Xuân Lộc	10	10	0	0	0	0	0	0	0	10	424
10	Cẩm Mỹ	11	8	3	0	0	0	0	0	16	6	406
11	Tân Phú	8	6	1	1	0	0	0	0	-	-	266
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	380
Tổng số		858	117	551	190	0	0	0	0	365	144	67.309



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 117 ca (giảm 13,3% so với hôm qua), lũy kế trong 07 ngày là 1.159 ca (tăng 179,3% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 26 ca ngụ tại An Bình (01), Long Bình (02), Quang Vinh (01), Tam Hòa (01), Tam Phước (02), Tân Biên (04), Tân Hạnh (01), Tân Hiệp (01), Tân Hòa (01), Tân Phong (03), Thống Nhất (01), Trảng Dài (08)

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 08 ca ngụ tại Sông Nhạn (01), Thừa Đức (07). Trong đó có 02 trường hợp làm tại công ty Elite-Long Thành, 01 trường hợp làm ở công ty thời trang G&G-Long Thành, 03 trường hợp lây nhiễm thứ phát nguồn lây từ công ty Elite và công ty Hyosung, 02 trường hợp chưa rõ nguồn lây phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại BVĐKKV Long Khánh và PKĐK Ái Nghĩa-Long Khánh

- **Định Quán:** ghi nhận 09 ca ngụ tại Suối Nho (07), Túc Trưng (02). Trong đó nguồn lây từ 01 ca bệnh về từ TP HCM tạo thành ổ dịch lây nhiễm thứ phát cho 06 người khác và 02 ca làm việc tại công ty Taekwang (Biên Hòa).

- **Long Khánh:** ghi nhận 01 ca ngụ tại Suối Tre. Là công nhân công ty Pou Sung.

- **Long Thành:** ghi nhận 02 ca ngụ tại Bình Sơn (01), Long Đức (01)

- **Nhon Trạch:** ghi nhận 09 ca ngụ tại Hiệp Phước (05), Phước Thiện (04).

- **Tân Phú:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Phú An (03), Phú Lâm (02), Thanh Sơn (01).

- **Thống Nhất:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Gia Kiệm (02), Gia Tân 2 (01), Gia Tân 3 (02), Quang Trung (01). Trong đó 04 ca liên quan đến công ty Pou Sung, 01 ca làm tại công ty Trường Hải, 01 ca về từ TP HCM.

- **Trảng Bom:** ghi nhận 21 ca ngụ tại An Viễn (01), Bắc Sơn (04), Cây Gáo (01), Đồi 61 (03), Đông Hòa (02), Giang Điền (02), Hồ Nai 3 (02), Quảng Tiến (01), Sông Trầu (03), TT Trảng Bom (01), Thanh Bình (01). Trong đó 15 ca phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại cơ sở y tế.

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 19 ca ngụ tại Tân An (12), Thạnh Phú (07). Trong đó 04 ca làm việc tại công ty AFM, 09 ca liên quan ô dịch công ty Chang Shin.

- **Xuân Lộc:** ghi nhận 10 ca ngụ tại Gia Ray (06), Xuân Phú (01), Xuân Tâm (03). Trong đó 06 ca lây nhiễm thứ phát nguồn lây F0 về từ BVĐKKV Long Khánh, 01 ca lây nhiễm thứ phát người về từ TP HCM.

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 13,3% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 179,3% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng đa

phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất, người về từ vùng có dịch, tạo thành các ổ dịch lây nhiễm thứ phát trong cộng đồng. Trong ngày tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng tại 43/170 phường, xã.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

Số lượng khu cách ly do các huyện, thành phố quản lý trên địa bàn tỉnh: 69 khu với 10.969 giường. Số lượng cơ sở cách ly đã giảm 56,3% do bàn giao lại các cơ sở giáo dục, tuy nhiên vẫn đảm bảo công suất phục vụ người cách ly.

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	30	4.690	33.144	37.834
Cách ly tại nhà	616	20.062	65.054	85.116
Theo dõi sức khỏe	96	11.827	23.539	35.366

Trong đó :

- **F1** : Đang theo dõi: 3.916; Lũy kế: 25.132
- **F2**: Đang theo dõi: 6.597; Lũy kế: 35.232
- **Khác** (người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 758; Lũy kế: 12.276

2. Điều trị

1.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	858	10.058	426	56.692	00	559	32
Tỉ lệ		14,94%		84,23%		0,83%	0,32%

- Các ca đang điều trị: ECMO 01 ca (0,01%), thở máy xâm lấn 31 ca (0,31%), CPAP 03 ca (0,03%), HFNC 20 ca (0,21%), thở oxy 161 ca (1,72%), có triệu chứng 1.366 ca (14,63%), không triệu chứng 7.752 ca (83,02%).

2.1. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	402	146	256
Tầng 2	9.529	4.379	5.150
Tầng 1	9.780	5.487	4.293

2. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	

A	Tỉnh Đồng Nai	77.820	2.631.830	1.653.993	4.285.823	104,93%	65,95%	452.838
1	Biên Hòa	32.794	929.243	692.290	1.621.533	106,98%	79,70%	127.418
2	Long Khánh	12.166	131.070	65.968	197.038	107,60%	54,15%	37.392
3	Xuân Lộc	5.952	191.090	95.120	286.210	115,08%	57,29%	36.032
4	Tân Phú	461	112.063	27.519	139.582	83,43%	20,49%	20.542
5	Cẩm Mỹ	2.125	96.591	54.732	151.323	94,44%	53,51%	29.452
6	Trảng Bom	4.890	276.354	152.906	429.260	97,58%	53,99%	58.129
7	Định Quán	11.129	144.030	76.204	220.234	95,52%	50,54%	0
8	Vĩnh Cửu	-	141.877	102.927	244.804	117,11%	84,96%	19.913
9	Long Thành	5.991	228.211	126.232	354.443	119,44%	66,07%	63.959
10	Thống Nhất	2.130	115.566	61.736	177.302	88,69%	47,38%	31.701
11	Nhơn Trạch	182	265.735	198.359	464.094	111,43%	83,18%	28.300

***Ghi chú:** Tỷ lệ độ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 đến 17 tuổi : chưa triển khai
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 104,93%.
 - + Mũi 2: 65,95%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 61,09%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 61,43%.
- Trên địa bàn tỉnh đã triển khai đến đợt 19, tiếp nhận phân bổ từ Bộ Y tế 4.587.428 liều vắc xin các loại. Hiện số lượng vắc xin còn chưa sử dụng là 452.838 liều; tồn nhiều nhất ở Biên Hòa 127.418 liều, Long Thành 63.959 liều, Trảng Bom 59.129 liều.

5. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.151	60	1.467.143	6.125
RT-PCR mẫu đơn	5.620	2.349	1.825.028	164.779
RT-PCR mẫu gộp	493	44	330.981	22.703
Lượt người thực hiện PCR	8.047	2.349	3.475.956	164.779

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 53 mẫu tại Vĩnh Cửu (32), Định Quán (02), Trảng Bom (17), Cẩm Mỹ (02).

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 44 mẫu

6. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 92 TYT lưu động. Trong đó: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02), Tân Phú (03).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ

7. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày, số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 13,3% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 179,3% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất, người về từ vùng có dịch, tạo thành các ổ dịch lây nhiễm thứ phát trong cộng đồng. Trong ngày tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng tại 43/170 phường, xã.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 104,93%.

+ Mũi 2: 65,95%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 61,09%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 61,43%.

- Trên địa bàn tỉnh đã tiến khai đến đợt 19, tiếp nhận phân bổ từ Bộ Y tế 4.587.428 liều vắc xin các loại. Hiện số lượng vắc xin còn chưa sử dụng là 452.838 liều; tồn nhiều nhất ở Biên Hòa 127.418 liều, Long Thành 63.959 liều, Trảng Bom 59.129 liều.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày:

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	7.255 người	976.453 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	11.975 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	3.555 người	844.111 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	11.651 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	347.144/395.061	562,31/647,65	87,87
2	Cẩm Mỹ	15.330/15.330	23,16/23,16	100
3	Định Quán	26.438/27.286	40,92/42,19	96,89
4	TP. Long Khánh	38.776/42.010	64,66/69,59	92,30
5	Long Thành	47.601/50.316	74,27/77,86	94,60
6	Nhơn Trạch	99.170/107.504	155,37/168,29	92,25
7	Tân Phú	28.429/33.516	42,89/50,52	84,82
8	Trảng Bom	120.194/137.558	204,56/230,91	87,38
9	Thống Nhất	25.389/25.389	38,28/38,28	100
10	Xuân Lộc	46.127/49.093	70,65/75,45	93,96
11	Vĩnh Cửu	27.702/70.426	49,63/204,47	39,33
	Tổng cộng	822.300/953.489	1.326,69/1.628,39	86,24

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 28/10/2021 tại Báo cáo số 729/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường	Khu, ấp
Cấp 1 (Bình thường mới)	01*	101 (giảm 24)	-
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	10	58 (tăng 16)	-
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	11 (tăng 08)	-
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00	-
Tỉnh Đồng Nai : Cấp 2			

* TP Long Khánh

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
								Chuyển viện	Tư vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng						
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn									
1	BVĐN/ HSTC	40	40	1	0	0	30		177		5		14	11	0	0	0	0			10	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	6	5	7	71	249	260	94	8	9	18	9	27	0	6	0	21	50	129	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	2	0	25	58	38	47	3	1	0	5	16	0		3	5	16	13	
4	BVĐKKVLT	100	100	4	2	0	20	83	35	16	0	0	0	20	0	0	0	0	0	8	12	20
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tăng 3)		720	401	11	9	7	146	391	511	157	16	10	32	45	43	0	6	3	34	78	183	
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	16	10	0	187	29	2	1647	0	0	0	0	57	130	1	39	8	16	98	
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	7	0	0	327	100	0	1841	0	0	0	1	85	170	9	75	156	8	50	

9	Cẩm Mỹ	500	200	9	0	0	113	14	0	93	0	0	0	0	0	113	1	25	0	11	87
10	Long Thành	500	500	65	38	1	742	60	0	1180	0	0	0	0	0	742	5	82	15	421	-242
11	Nhon Trạch	4230	3550	83	100	12	1426	0	15	5265	0	0	0	20	395	1011	12	174	24	1228	2124
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	11785	9507	361	257	27	5487	4765	33	28055	0	0	0	27	788	4531	39	878	108	1727	4020
	TỔNG TẦNG (3+2+1)	22980	19343	799	575	72	10012	6493	568	61144	17	10	32	156	1441	8136	109	1690	406	2110	6068

Phụ lục 3: Tình hình Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	25	7,010	2,722	113	16	1,922	19,213	820	137	39	159
2	Long Khánh	1	150	150	0	0	26	284	124	0	0	0
3	Vĩnh Cửu	9	3,850	3,850	66	39	884	14,489	2,966	14	16	8
4	Định Quán	4	400	400	0	13	153	1,239	247	0	0	13
5	Tân Phú	2	200	200	24	3	45	403	155	0	0	0
6	Trảng Bom	3	430	439	0	9	0	1,165	439	0	0	0
7	Thống Nhất	6	386	386	0	3	128	828	258	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	1	24	175	1,390	125	5	17	17
9	Cẩm Mỹ	3	610	310	9	0	128	1,481	182	8	1	31
10	Long Thành	1	300	300	5	0	67	416	233	0	0	0
11	Nhon Trạch	14	1,912	1,912	11	35	300	9,832	2,247	2	0	1
	Tổng	69	15,548	10,969	229	142	3,828	50,740	7,796	166	73	229

Phụ lục 4: Báo cáo số liệu tiêm chủng cho người từ 50 tuổi trở lên
(Cập nhật đến ngày 31/10/2021)

Các huyện/thành phố	Dân số cả tỉnh	Người từ 50 tuổi đến dưới 65 tuổi			Người từ 65 tuổi trở lên				Người từ 50 tuổi trở lên			
		Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên (187.788 người)	Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên (564.639 người)
Biên Hòa	868.653	141.185	111.842	79,22%	66.461	42.436	63,85%	80%	207.646	154.278	74,30%	93%
Long Khánh	121.816	29.435	13.098	44,50%	8.240	9.283	112,66%	141%	37.675	22.381	59,41%	74%
Long Thành	191.066	34.699	20.984	60,47%	21.181	12.210	57,65%	72%	55.880	33.194	59,40%	74%
Nhơn Trạch	238.477	34.710	29.818	85,91%	13.379	8.785	65,66%	82%	48.089	38.603	80,27%	100%
Thống Nhất	130.302	29.755	13.496	45,36%	11.463	7.083	61,79%	77%	41.218	20.579	49,93%	62%
Trảng Bom	283.202	43.534	22.559	51,82%	21.483	11.846	55,14%	69%	65.017	34.405	52,92%	66%
Vĩnh Cửu	121.149	26.834	19.701	73,42%	10.532	7.177	68,14%	85%	37.366	26.878	71,93%	90%
Xuân Lộc	166.045	34.650	18.026	52,02%	19.734	13.011	65,93%	82%	54.384	31.037	57,07%	71%
Cẩm Mỹ	102.277	26.534	12.376	46,64%	13.358	9.070	67,90%	85%	39.892	21.446	53,76%	67%
Định Quán	150.792	38.867	23.102	59,44%	27.511	11.147	40,52%	51%	66.378	34.249	51,60%	64%
Tân Phú	134.321	30.858	5.192	16,83%	17.543	8.997	51,29%	64%	48.401	14.189	29,32%	37%
Tổng	2.508.100	471.061	290.194	61,60%	230.885	141.045	61,09%	76%	701.946	431.239	61,43%	77%